

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST  
Ngày: 22-01-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thảo
- Ông Nguyễn Thanh Cần

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 100/2023/TLST-KDTM ngày 04/10/2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH C.

Địa chỉ: thửa đất số 1136, tờ bản đồ số 05-3, khu phố H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Tân V, sinh năm 1976; địa chỉ: Số H N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 17/8/2023) (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

**- Bị đơn:** Công ty TNHH S.

Địa chỉ: lô đất A24, A28, A đường số E, Cụm C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1993; địa chỉ liên hệ: số A - A đường H, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại

diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 23/10/2023) (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn trình bày:*

Trong năm 2022 và năm 2023, Công ty TNHH C (sau đây viết tắt là Công ty C) có bán hàng hóa là các sản phẩm ghế dựa, ghế nhựa, chân bàn, tựa lưng, chân trước cho bên mua là Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là Công ty S). Việc mua bán không ký hợp đồng, bên bán căn cứ vào từng đơn đặt hàng của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Sau khi hai bên đối chiếu công nợ, bên bán sẽ xuất hóa đơn. Thỏa thuận thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Căn cứ theo thỏa thuận trên, trong các tháng 6, 7, 9, 10, 11, 12/2022 và các tháng 02, 3/2023, Công ty C đã bán cho Công ty Siêu Thịnh các sản phẩm gồm ghế dựa kích thước các loại, ghế nhựa kích thước các loại, tựa lưng, chân trước, các loại chân bàn với tổng giá trị hàng hoá là 1.937.444.873 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Công ty C đã chốt công nợ, gửi đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn và yêu cầu Công ty S thanh toán tiền hàng nhưng Công ty S chỉ mới thanh toán được số tiền 200.000.000 đồng và ngừng thanh toán cho tới nay. Hiện Công ty S còn nợ Công ty C số tiền 1.737.444.873 đồng. Công ty C nhiều lần liên lạc và yêu cầu Công ty S thanh toán công nợ còn lại nhưng không có kết quả. Việc Công ty S cố tình không thanh toán công nợ đã gây ra cho Công ty C rất nhiều khó khăn và thiệt hại nghiêm trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Do đó, Công ty C khởi kiện Công ty S ra Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với yêu cầu: Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty C tổng số tiền là 1.970.559.500 đồng, trong đó bao gồm:

Tiền gốc: 1.737.444.873 đồng.

Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm trên hóa đơn các tháng 6, 8, 9, 10, 12 năm 2022 và tháng 3, 4/2023 với tổng số tiền là 233.114.627 đồng, cụ thể như sau:

+ Từ ngày 01/8/2022 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau: 726.519.137 đồng (hóa đơn số 33 ngày 29/6/2022 đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng)  $\times$  1%  $\times$  16 tháng = 116.243.061 đồng.

+ Từ ngày 01/10/2022 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau: 98.214.131 đồng (hóa đơn số 56 ngày 30/8/2022)  $\times$  1%  $\times$  14 tháng = 13.749.978 đồng.

+ Từ ngày 01/11/2022 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau: 25.013.318 đồng (hóa đơn số 61 ngày 29/9/2022)  $\times$  1%  $\times$  13 tháng = 3.251.731 đồng.

+ Từ ngày 01/12/2022 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau: 94.803.696 đồng (hóa đơn số 70 ngày 27/10/2022)  $\times$  1%  $\times$  12 tháng = 11.376.443 đồng.

+ Từ ngày 01/02/2023 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau:  
691.573.406 đồng (hóa đơn số 93 ngày 26/12/2012)  $\times$  1%  $\times$  10 tháng = 69.157.340 đồng.

+ Từ ngày 01/5/2023 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau:  
213.500.760 đồng (hóa đơn số 17 ngày 28/3/2023)  $\times$  1%  $\times$  7 tháng = 14.945.053 đồng.

+ Từ ngày 01/6/2023 tới ngày 01/12/2023 với lãi suất 1%/tháng như sau:  
87.820.425 đồng (hóa đơn số 34 ngày 26/4/2023)  $\times$  1%  $\times$  5 tháng = 4.391.021 đồng;

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn về việc thanh toán dần tiền nợ gốc mỗi tháng số tiền 100.000.000 đồng và không thanh toán tiền lãi.

- Bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về việc giao kết và thực hiện hợp đồng giữa Công ty S và Công ty C.

Trong năm 2022 và năm 2023, Công ty S có mua hàng hóa là các sản phẩm ghế dựa, ghế nhựa, chân bàn, tựa lưng, chân trước từ Công ty N Xin. Việc mua bán không ký hợp đồng, bên mua đặt hàng theo từng đơn, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Sau khi hai bên đối chiếu công nợ, bên bán sẽ xuất hóa đơn, thỏa thuận thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Trong các tháng 6, 7, 9, 10, 11, 12/2022 và các tháng 02, 3/2023 Công ty S đã mua các sản phẩm gồm ghế dựa kích thước các loại; ghế nhựa kích thước các loại; tựa lưng, chân trước, các loại chân bàn từ Công ty C với tổng giá trị hàng hoá là 1.937.444.873 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Tuy nhiên, do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn nên Công ty S chỉ mới thanh toán được số tiền 200.000.000 đồng. Hiện Công ty S còn nợ Công ty C số tiền 1.737.444.873 đồng.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C về việc yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền nợ gốc là 1.737.444.873 đồng thì Công ty S đồng ý. Tuy nhiên, do tình hình hiện nay đang gặp khó khăn nên Công ty S xin được thanh toán dần hàng tháng với số tiền mỗi tháng là 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, lần cuối cùng thanh toán số tiền là 137.444.873 đồng. Thời gian thanh toán lần đầu tiên bắt đầu từ tháng 12/2023. Đối với số tiền lãi chậm thanh toán thì phía Công ty S không đồng ý, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ

thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán các sản phẩm ghế dựa, ghế nhựa, chân bàn, tựa lưng, chân trước giữa Công ty C và Công ty S. Bị đơn Công ty S có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt đúng quy định pháp luật nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận: Công ty S có mua hàng hóa là các sản phẩm ghế dựa, ghế nhựa, chân bàn, tựa lưng, chân trước từ Công ty N Xin. Trong các tháng 6, 7, 9, 10, 11, 12/2022 và các tháng 02, 3/2023 Công ty S đã mua các sản phẩm gồm ghế dựa kích thước các loại, ghế nhựa kích thước các loại, tựa lưng, chân trước, các loại chân bàn từ Công ty C với tổng giá trị hàng hóa là 1.937.444.873 đồng (đã bao gồm 10% VAT) và đã thanh toán số tiền 200.000.000 đồng. Công ty S thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc là 1.737.444.873 đồng cho Công ty C. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty S thanh toán số tiền nợ gốc là 1.737.444.873 đồng là có căn cứ theo quy định của Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005.

[3.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Công ty C yêu cầu Công ty S thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính đến ngày 01/12/2023 với mức lãi suất là 01%/tháng với tổng số tiền là 233.114.627 đồng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ

sở. Tại thời điểm xét xử (ngày 22/01/2024) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,8%/năm, tương đương 1,23%/tháng (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP A 13,65%/năm, tại Ngân hàng N1 là 15,75%/năm). Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 01%/tháng là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.970.559.500 đồng, tương đương số tiền án phí: 71.116.785 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH C tổng số tiền 1.970.559.500 đồng (Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng), bao gồm nợ gốc là 1.737.444.873 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 233.114.627 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S phải nộp số tiền 71.116.785 đồng (Bảy mươi một triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền 35.558.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008079 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**